

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **286/2025/DS-ST**.
Ngày: 15/12/2025.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Hồng Gái.

2/ Bà Đoàn Thanh Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Trường G**, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thuý A**, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Võ Trường G trình bày:

Ông Võ Trường G và bà Nguyễn Thị Thuý A là chỗ quen biết nên ông có cho bà Nguyễn Thị Thuý A vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 27/11/2018 (âm lịch) tức là ngày 02/01/2019 (dương lịch), với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, tuy nhiên từ khi vay đến nay bà Nguyễn Thị Thuý A mới trả lãi cho ông được

02 lần với số tiền 1.000.000 đồng, rồi từ đó đến nay bà Nguyễn Thị Thúy A không trả gốc cũng như không trả lãi nữa, sau đó bà Thúy A đi làm ở P mãi cho đến năm 2023 bà A mới trở về, ông G đã nhiều lần yêu cầu bà Thúy A trả cho ông số còn nợ lại nhưng bà Thúy A cứ hẹn mà không thực hiện.

Ông Võ Trường G làm đơn khởi kiện bà Thúy A, ông đồng ý trừ số tiền lãi mà bà Thúy A đã đóng được 1.000.000 đồng vào số tiền gốc mà bà Thúy A nợ. Như vậy, số tiền nợ gốc bà Thúy A còn nợ là 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Võ Trường G yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy A trả cho ông số tiền gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/01/2019 cho đến ngày 02/09/2025 là 6 năm 8 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng ($9.000.000 \text{ đồng} \times 80 \text{ tháng} \times 1.66\% = 11.952.000 \text{ đồng}$) thành tiền là 11.952.000 đồng. Tuy nhiên, ông G chỉ yêu cầu bà Thúy A phải trả số tiền lãi 7.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Vào khoảng năm 2018, 2019 do bà Thúy A có mua máy giặt trả góp của anh Võ Trường G nên có quen biết, bà Thúy A có hỏi vay tiền của anh G với số tiền 10.000.000 đồng và được anh G đồng ý. Khi vay hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10% mỗi tháng đóng lãi 1.000.000 đồng. Bà có đóng tiền lãi cho ông G được khoảng năm 01 năm thì bà đi làm xa và không đóng nữa. Khi đóng tiền cho ông G thì bà đưa trực tiếp và không có làm giấy tờ gì. Đến gần đây do kinh tế khó khăn bà có trình bày với vợ của anh G thì anh G đồng ý cho bà phần lãi và trả mỗi ngày 50.000 đồng, bà đóng được khoảng 01 tháng 12 ngày thì không còn tiền để đóng nên bà ngưng cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà Thúy A đồng ý trả nợ gốc, lãi cho ông G với tổng số tiền là 16.000.000 đồng nhưng xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ thì thôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Võ Trường G yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho ông số

tiền vay còn nợ nên đây được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản mà bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã B, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Đối với chồng của bà Nguyễn Thị Thúy A: Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy A trả nợ chứ không yêu cầu chồng của bà Nguyễn Thị Thúy A cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông G. Vì vậy, HĐXX không đưa chồng của bà Nguyễn Thị Thúy A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 02/01/2019 (dương lịch) ông Võ Trường G cho bà Nguyễn Thị Thúy A vay với tổng số tiền là 10.000.000đồng. Khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Thúy A đóng lãi cho ông G được 1.000.000đồng rồi không đóng lãi nữa cho đến nay, ông G đã nhiều lần yêu cầu bà Thúy A trả cho ông số nợ còn lại nhưng bà Thúy A cứ hẹn mà không thực hiện. Vì vậy hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận ghi nợ đề ngày 27/11/2018 (al), biên nhận có nội dung thể hiện bà Thúy A có vay tiền của ông G số tiền là 10.000.000đồng và thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, phía dưới bên nhận nợ có chữ viết “an” và “Nguyễn Thị Thúy A”, số nợ này đến nay vẫn chưa trả cho ông G; phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A cũng thừa nhận rằng bà có vay tiền của ông G với tổng số tiền là 10.000.000 đồng như ông G trình bày là đúng và hiện bà chưa trả số nợ này cho ông G; ông G tự nguyện trừ số tiền lãi đã đóng là 1.000.000đồng vào tiền gốc thì bà cũng thống nhất. Vì vậy, ông G yêu cầu bà phải trả số nợ gốc còn lại 9.000.000đồng thì bà cũng đồng ý; HĐXX thấy rằng là sự tự nguyện của đương sự nên cần thiết ghi nhận.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015HĐXX ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của các đương sự, bà Nguyễn Thị Thúy A có nghĩa vụ trả cho ông Võ Trường G số tiền gốc 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*).

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi với

mức lãi suất là 1.66%/tháng. HĐXX thấy rằng cả ông G và bà Thúy A đều xác định khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất; mức lãi suất mà ông G yêu cầu là 1,6%/tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận; số tiền lãi được tính như sau:

Tính từ ngày 02/01/2019 cho đến ngày 02/09/2025 là 6 năm 8 tháng với lãi suất là 1,66% tháng ($9.000.000\text{đồng} \times 80 \text{ tháng} \times 1.66\% = 11.952.000\text{đồng}$). Tuy nhiên ông G chỉ yêu cầu bà Thúy A phải trả số tiền lãi là 7.000.000đồng thì được bà Thúy A đồng ý nên cần thiết ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho ông Võ Trường G là 16.000.000đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

[3.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng là 1.000.000đồng, trả cho đến khi hết nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ T quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Vì vậy, yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Thúy A là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông Võ Trường G ($16.000.000\text{đồng} \times 5\% = 800.000\text{đồng}$).

Ông Võ Trường G không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trường G.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho ông Võ Trường G tổng số tiền là 16.000.000đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Trường G có đơn yêu cầu thi hành án phía bà Nguyễn Thị Thúy A còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là 800.000đồng (*Tám trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Võ Trường G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 523.000đồng (*Năm trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005434 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/12/2025).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- THA tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**